***Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai*** ***Đề cương địa lí 11***

**BÀI 8: LIÊN BANG NGA**

**TIẾT 1- TỰ NHIÊN DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**

* Diện tích: 17,1 triệu km2
* Dân số: 143,0 triệu người (2005)
* Thủ đô: Mat-xcơ-va

**I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LÃNH THỔ**

* Nga có diện tích: 17,1 triệu km2, lớn nhất thế giới.
* Lãnh thổ trải dài từ phần Đông Âu đến hết Bắc Á, kéo dài trên 11 múi giờ.
* Giáp với BBD, TBD, Biển Đen, Biển Caxpi và giáp với 14 nước.
* Giao lưu thuận lợi với nhiều nước, thiên nhiên đa dạng, giàu tài nguyên; khó quản lí đất nước.

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:**

Ranh giới tự nhiên chia 2 khu vực tự nhiên phí đông và phía tây LBN là sông Ê-nit-xây

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Yếu tố | **Phía Tây** | **Phía Đông** |
|  |  |  |
| Phạm vi | Từ sông Ê-nit-xây về phía tây. | Từ sông Ê-nit-xây về phía đông. |
|  |  |  |
| Địa hình | - Phần lớn là đồng bằng (Đồng | Phần lớn là núi và cao nguyên. |
|  | bằng Đông Âu và Tây Xi-bia) |  |
|  | -Dãy núi già U-ran |  |
|  |  |  |
| Khí hậu | - Chủ yếu là ôn đới nhưng điều | Ôn đới, cận nhiệt đới lục địa và |
|  | hòa hơn phía Đông. | cận cực lạnh. |
|  |  |  |
| Sông, hồ | Có các sông lớn như sông Ô-bi, | Có nhiều sông lớn chảy lên phía |
|  | sông Von-ga | bắc. |
|  |  |  |
| Đất và rừng | Đất màu mỡ, nhiều rừng taiga. | Đất pốt dôn nghèo dinh dưỡng, |
|  |  | Rừng taiga là chủ yếu. |
|  |  |  |
| Khoáng sản | Nhiều dầu khí, than, sắt. | Phong phú: than, vàng, dầu |
|  |  | khí… |
|  |  |  |
| Thuận lợi | Phát triển nông nghiệp, công | Khai khoáng, lâm nghiệp, chăn |
|  | nghiệp, đô thị. | nuôi, thủy điện. |
|  |  |  |
| Khó khăn | Đất đầm lầy nhiều. | Địa hình chia cắt, khí hậu lạnh |
|  |  | giá, khô hạn khó khăn khai |
|  |  | thác tài nguyên. |

1. **DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**

***1. Dân cư***

- Dân số đông: 143 triệu người(2005) đứng thứ 8 trên thế giới. - Dân số ngày càng giảm.

- Có nhiều dân tộc (hơn 100), 80% là người Nga.

- Dân cư phân bố không đồng đều, mật độ dân số thấp (8,4 người/km2), tập trung chủ yếu

ở phía Tây, 70% dân số sống ở thành phố.

***2. Xã hội***

- Nhiều công trình kiến trúc, tác phẩm văn học nghệ thuật, nhiều công trình khoa học lớn có giá trị.

* Đội ngũ khoa học, kĩ sư, kĩ thuật viên lành nghề đông đảo, nhiều chuyên gia giỏi.
* Trình độ học vấn cao (99% người biết chữ).
* Thuận lợi cho LB Nga tiềp thu thành tựu khoa học kĩ thuật thế giới và thu hút đầu tư nước ngoài.

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Lãnh thổ LB Nga rộng lớn nhất thế giới và nằm ở cả hai châu lục nào?

A. Châu Mĩ và châu Âu B. Châu Âu và châu Phi

C. Châu Á và châu Mĩ D. châu Âu và châu Á

Câu 2. LB Nga giáp hai đại dương nào sau đây?

A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

B. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương

C. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

D. Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 3. LB Nga tiếp giáp Thái Bình Dương ở phía nào?

A. Phía đông. B. Phía tây. C. Phía bắc. D. Phía nam.

Câu 4. LB Nga tiếp giáp Bắc Băng Dương ở phía nào?

A. Phía đông B. Phía tây. C. Phía bắc. D. Phía nam.

Câu 5. LB Nga tiếp giáp những biển nào sau đây?

A. Biển Đen, biển Ban-tích, Biển Cát-xpi.

B. Biển Đỏ, Biển Đen, biển Ban-tích

C. Biển Ca-ri-bê, Biển Đen, Biển Đỏ.

D. Biển Đỏ, Biển Chết, biển Ca-ri-bê.

Câu 6. Ranh giới tự nhiên phân chia phần phía tây và phần phía đông của LBNga là

A. sông Ê-nit-xây. B. dãy U-ran. C. sông Lê-na. D. sông ô-bi.

Câu 7. Ranh giới tự nhiên phân chia phần lãnh thổ thuộc châu Á và phần lãnh thổ thuộc chân Âu của LB Nga Là

A. sông Ê-nit-xây. B. dãy U-ram

C. sông Lê-na. D. sông Ô-bi.

Câu 8. Dạng địa hình chủ yếu ở phần lãnh thổ phía tây của LB Nga là

 A. đồng bằng. B. sơn nguyên C. bồn địa. D. núi cao.

Câu 9. Dạng địa hình phổ biến ở phần phía bắc đồng bằng Tây Xi-bia là

A. cao nguyên. B. đầm lầy.

C. đồng bằng. D. đồi thấp.

Câu 10. Đồng bằng Tây Xi-bia thuận lợi nhất cho phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

A. Du lịch. B. Thuỷ điện. C. Khai khoáng. D. Nông nghiệp. Câu 11. Khoáng sản có trữ lượng lớn ở đồng bằng Tây Xi-bia là

 A. than. B. quặng sắt. C. Dầu khí. D. kim cương.

Câu 12. Đặc điểm nổi bật của địa hình đồng bằng Đông Âu là

A. tương đối cao, xen lẫn nhiều đồi thấp.

B. nhiều đầm lầy và vùng trũng thấp.

C. chủ yếu đồi thấp và đẫm lầy.

D. thấp và nhiều ô trũng ngập nước.

Câu 13. Địa hình chủ yếu ở phần lãnh thổ phía đông của LB Nga là

A. đồng bằng và bồn địa. B. đồng bằng và cao nguyên,

C. núi và cao nguyên. D. cao nguyên và sơn nguyên.

Câu 14. Ý nào sau đây không phải là thế mạnh ởphần lãnh thổ phía đông của LB Nga?

 A. Chăn nuôi gia súc. B. Phát triển thuỷ điện.

 C. Khai thác khoảng sản. D. Tài nguyên lâm sản.

Câu 15. Phổ biến trên lãnh thổ LB Nga là loại rừng nào?

A. Rừng ngập mặn. B. Rừng tai-ga.

C. Rừng thông. D. Rừng nhiệt đới thường xanh.

Câu 16. Sông nào sau đây được coi là biểu tượng của LB Nga?

A. Sông Lê-na. B. Sông Ô-bi.

C. Sông Ê-nit-xây. D. Sông Vôn-ga.

Câu 17. Hồ nước ngọt sâu nhất thế giới thuộc LB Nga là

A. Hồ Bai-can. B Hồ Vích-to-ri-a.

**C.** Hồ Ban-khát D. Hồ Ti-ti-ca-ca.

Câu 18. Đại bộ phận lãnh thổ LB Nga thuộc khí hậu nào?

 A. Nhiệt đới. B. Cận nhiệt đới. C. Ôn đới. D. Cận cực.

Câu 19. Kiểu khí hậu cận nhiệt đới xuất hiện chủ yếu ở phần lãnh thổ nào của LB Nga?

 A. Phía nam. B. Phía Bắc. **C.** Phía Tây. D. Vùng Trung tâm.

Câu 20. Phần lãnh thổ phía bắc của LB Nga có khí hậu

 A. ôn đới. B. cận cực. **C.** cận nhiệt đới. D. nhiệt đới.

Câu 21. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển Kinh tế của LB Nga là

A. bão và áp thấp nhiệt đới. B. khí hậu băng giá, khắc nghiệt.

**C**. bão tuyết, núi lửa, động đất. D. ngập lụt, hạn hán, lũ quét

Câu 22. Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm cư, dân tộc của LB Nga?

A. Dân số đông. B. Dân số tăng nhanh,

**C.** Tỉ lệ dân thành thị cao. D. Nhiều dân tộc.

Câu 23. Vấn đề dân cư mà Nhà nước LB Nga quan tâm nhất hiện nay là

A. đô thị hoá tự phát. B. mật độ dân số thấp,

**C.** dân số giảm và già hoá dân số. D. nhiều dân tộc.

Câu 24. Biết diện tích của LB Nga là **17 098,3** nghìn km2, dân số thời điểm giữa năm **201**5 là **144,3** triệu người, vậy mật độ dân số nước này là hơn

A. **84** người/km2. B. **8** người/km2. **C. 84** người/km. **D**. 8 người/km.

Câu 25. Vào thập niên 90 của thế kỉ XX, dân số của LB Nga có xu hướng giảm chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

A. Gia tăng tự nhiên giảm. B. Tỉ suất tử thô cao.

**C.** Tỉ suất xuất cư cao. D. Tỉ suất sinh cao.

Câu 26. Các dân tộc thiểu số chiếm tỉ trọng bao nhiêu trong tổng số dân của LB Nga?

 A.80%. B.30%. **C.20%.** D. 10**%.**

Câu 27. LB Nga là quốc gia có tiềm lực lớn về

A. tài chính và thương mại. B. du lịch và thể thao.

**C.** văn học và nghệ thuật. D. khoa học và văn hoá.

Câu 28. LB Nga là nước đầu tiên trên thế giới

A. đưa người lên Mặt Trăng B. đưa con người lên vũ trụ.

**C.** phóng tàu thăm dò Sao Hoả. D. phát hiện hố đen vũ trụ.

Câu 29. LB Nga là quốc gia đứng đầu thế giới về

A. các ngành khoa học thực nghiệm. B. nghiên cứu vật lí lí thuyết

C. nghiên cứu hoá học lượng tử. D. các ngành khoa học cơ bản.

Câu 30. Trình độ học vấn của người dân cao tạo thuận lợi cho LB Nga

 A. thu hút đầu tư nước ngoài. B. mở rộng thị trưởng xuất khẩu.

 **C.** hội nhập kinh tế thế giới. D. xuất khẩu lao động ra các nước.